CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***228 925***	***108 951***	***119 974***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**83 791**	**15 257**	**68 534**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***17 760***	***15 257***	***2 503***			
1		KDT HÀ BẮC	08/07	1046/06	23/07	BN 1309	CỤC XÔ1C	1 000	999	1	10/7	TD	GIA HẠN L1
2		ĐẠM HÀ BẮC	07/07	1065/07		TĐ 16-TT	CÁM 4A.1	2 360	2 335	25	10/7		MỚn:2.334,74
3		ĐẠM NINH BÌNH	09/07	1073/07	24/07	NB 8218	CÁM 4A.1	3 100	3 058	42	10/7		Mớn: 3.058,06
4		THAN MIỀN NAM	10/07	1075/07	25/07	VINACOMIN CẨM PHÀ	CÁM 5A.1	5 700	4 893	807	DỠ		
							CỤC 4A.2	2 700	1 882	818	DỠ		
5		ĐẠM NINH BÌNH	09/07	1072/07	24/07	NB 8927	CÁM 4A.1	2 900	2 090	810	DỠ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***66 031***		***66 031***			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
26		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
27		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CÁN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700		8 700			
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
33		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
36		THAN SÔNG HỒNG	04/07	1058/07		BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
39		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
	Tàu chuyển tải							**66 600**	**44 067**	**22 533**			
	Tàu đang làm hàng							***66 600***	***44 067***	***22 533***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 800	22 642	158	10/07		CLM:10.835,25 - KDT CP:11.806,41
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	11 981	11 319	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:18.300
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)												
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**31 304**	**8 518**	**22 786**			
	Tàu đã làm hàng							***8 638***	***8 518***	***120***			
1		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500	1 485	15	10/7	TD	
2		COALIMEX	09/7	289	24/7	BN - 2565	CÁM 8A	1 958	1 931	27	10/7	TD	
3		HẢI PHÒNG	10/7	333	25/7	HP - 5902	CÁM 7A	1 500	1 446	54	10/7	PT CB	
4		MIỀN BẮC	10/7	335	25/7	BN - 2629	CÁM 7C	1 980	1 971	9	10/7	PT CB	
5		MIỀN BẮC	10/7	334	25/7	BN - 2556	CÁM 7C	1 700	1 685	15	10/7	PT CB	
	Tàu đã làm lệnh							***22 666***		***22 666***			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUỐNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
8		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		CẦU ĐUỐNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
10		THANH HOÁ	07/7	250	22/7	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
12		CP ĐTTM&DV	09/7	290	24/7	BN - 0719	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
13		MIỀN BẮC	09/7	297	24/7	BN - 1959	CÁM 5B.1	1 270		1 270		PT CB	
14		HẢI PHÒNG	09/7	305	23/7	BN - 1348	CÁM 8A	990		990		TD	
15		ĐIỆN PHÁ LẠI	09/7	308	23/7	QN - 4114	CÁM 5B.14	1 720		1 720			
16		CP ĐTTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
17		CP VT&KD THAN	10/7	346	24/7	BN - 1468	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
18		COALIMEX	10/7	347	24/7	NB - 6488	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
19		ĐIỆN PHÁ LẠI	10/7	348	24/7	QN - 4320	CÁM 5B.14	1 716		1 716			
20		CP ĐTTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**17 230**	**9 349**	**7 881**			
	Tàu đã làm hàng							***12 050***	***9 349***	***2 701***			
1		ĐT TM DV VINACOMIN	09/7	294	24/7	BN 0679	Cục 1b	1 100	1 093	7	10/7	TD	
2		THAN SÔNG HỒNG	09/7	288	24/7	BN 1799	Don 8a	1 030	1 023	7	10/7	TD	
3		KHO VẬN ĐÁ BẠC	09/7	311	24/7	CỬA ÔNG 09	Cám 5b.1	2 300	2 296	4	10/7	CBPT	
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	09/7	310	23/7	CỬA ÔNG 02	Cám 5b.1	2 300	2 293	7	10/7	CBPT	
5		XNK THAN - VINACOMIN	10/7	357	24/7	QN 8598	Cám 5a.1	5 320	2 645	2 675	DỞ	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***5 180***		***5 180***			
1		VTT VINACOMIN	08/7	255	22/7	BN 0988	Don 8a	1 030		1 030		TD	
2		THAN MIỀN NAM	10/7	352	25/7	TRƯỜNG XUÂN 68	Cục 4a.2	1 400		1 400			
3							Cám 5a.1	1 750		1 750			
		CP SX & TM THAN UÔNG BÍ	10/7	350	24/7	BN 1758	Cục 1b	1 000		1 000		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**30 000**	**31 760**	**-1 760**			
	Tàu đã làm hàng							***30 000***	***31 760***	***-1 760***			
1		ÚC	25/06	CLM		MV MARINNE STOEGER		20 000	21 260	-1 260	10/7		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ÚC	30/06	CLM		MV BELGRANO		10 000	10 500	- 500	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												